TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 808/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 16-9-2019
V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Ông Nguyễn Văn Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 và ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2782/2019/QĐ-PT ngày 26/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 5724/2019/QĐ-PT ngày 26/7/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6638/2019/QĐ-PT ngày 22/8/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 79 tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 17 tổ 5, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D ngày 19/4/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Minh T trình bày: Ông và bà Dương Thị Mỹ D đã ly hôn theo Quyết định số 171/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ. Tại quyết định này, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 24/4/2013, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Sau khi Tòa án giải quyết ly hôn và giao trẻ Q cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng thì bà D không tạo điều kiện cho ông thăm con. Năm 2016, ông gửi đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và qua hòa giải, bà D cam kết không ngăn cản việc ông thăm con nên ông đã rút yêu cầu khởi kiện. Được một thời gian sau thì bà D tiếp tục không tạo điều kiện cho ông thăm con. Bà D không có việc làm ổn định, bà D đang có chồng mới chưa chính thức tại xã L, huyện C nên bà D không chăm sóc trẻ Q được chu đáo. Có thời gian gần 3 tháng, bà D giao trẻ Q cho ông trực tiếp nuôi dưỡng từ thứ hai đến thứ 6 thì bà D mới đón trẻ Q về nuôi dưỡng.

Hiện nay, ông có công việc ổn định kinh tế, nơi ông ở gần trường trẻ Q đang học. Ngoài việc cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng ông còn đóng học phí cho trẻ mỗi tháng khoảng 900.000 đồng/tháng, ông có đủ điều kiện nuôi con tốt hơn bà D, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q.

Bà Dương Thị Mỹ D trình bày: Năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ giải quyết ly hôn và giao trẻ Q cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà đã nuôi dưỡng trẻ Q từ đó cho đến nay và bà cho trẻ học ở gần nhà, trẻ Q phát triển tốt về mọi mặt. Bà tạo điều kiện cho ông T thăm con đầy đủ. Ông T nại ra việc bà sắp có chồng sẽ không nuôi dưỡng trẻ Q tốt và ông T nại ra nhiều lý do khác để khởi kiện đòi trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q là không đúng. Hiện nay, bà vẫn sống độc thân, bà có công việc ổn định kinh tế, bà nuôi dưỡng trẻ Q tốt hơn ông T.

Theo quyết định ly hôn thì hàng tháng ông T phải có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng, nhưng ông T không thực hiện đầy đủ: Từ tháng 4/2018 cho đến nay ông T chưa đóng tiền cấp dưỡng nuôi con, bà có đơn gửi cơ quan thi hành án nhưng đến nay ông T vẫn chưa thực hiện. Bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T: Buộc bà Dương Thị Mỹ D giao trẻ Lê Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 24/4/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ Q đủ 18 tuổi, tạm hoãn việc bà D cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ của ông T và bà D đối với trẻ Q, người chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án... của các đương sự.

Ngày 19/4/2019, bị đơn là bà Dương Thị Mỹ D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao trẻ Lê Thị Kim Q cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà D trình bày: Từ khi bà ly hôn ông T và được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ giao trẻ Q cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà đã nuôi dưỡng trẻ Q tốt về mọi mặt. Ông T nại ra nhiều lý do để khởi kiện yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q là không đúng: Ông T khai bà sắp có chồng là không đúng, hiện nay, bà vẫn sống độc thân; ông khai bà ngăn cản không cho ông thăm trẻ Q là không đúng, bà đã tạo điều kiện cho ông T thăm trẻ Q và đưa đón trẻ đi học. Ông T khai bà không có công việc làm là không đúng, bà có công việc ổn định kinh tế. Sau khi bà có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm thì tháng 5/2019, ông T mới thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đầy đủ.

Bà D đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Ông Lê Minh T trình bày: Sau khi ly hôn với bà D thì hàng tháng ông thực hiện việc cấp dưỡng nuôi trẻ Q đầy đủ và ông còn đóng tiền học phí cho trẻ Q. Đầu tháng 5/2018, ông nghỉ phép năm và kết hợp các phép khác, ông đã thỏa thuận với bà D: Hàng tuần từ thứ 2 đến thứ 6 ông là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q; còn thứ 7 và Chủ nhật thì bà D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q và sự thỏa thuận này kéo dài cho đến tháng 8/2018 là ông hết phép đi làm lại bình thường và ông giao trẻ Q lại cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Nhưng sau khi ông giao trẻ Q lại cho bà D nuôi dưỡng thì bà D ngăn cản không cho ông thăm trẻ Q và bà D không chịu nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bà D không đưa sổ ký nhận tiền cấp dưỡng nuôi con như những lần trước đó; do đó, ông không thực hiện được việc cấp dưỡng nuôi con, là lỗi của bà D.

Ông T đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

Phần tranh luận:

Bà D không tranh luận giữ nguyên yêu cầu trên.

Ông T không tranh luận giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định về địa vị tố tụng, người tham gia tố tụng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của các đương sự cho đến thời điểm kết thúc tranh luận. Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà D là có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giao trẻ Q cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Lê Minh Tvà bà Dương Thị Mỹ D đã ly hôn theo Quyết định số 171/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ. Tại quyết định này, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là trẻ Lê Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 24/4/2013, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

[2] Xét, kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Thị Kim Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại điểm b, khoản 2, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn khi "Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con" thì có thể thay đổi nuôi con. Trong vụ án này, theo lời trình bày của ông Tuấn và bà D thì các bên đều có khả năng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Q tốt. Nhưng xét về nhiều mặt thực tế thì:

[2.1] Bà D và trẻ Q có chỗ ở ổn định, thường trú tại địa chỉ: Số 17 tổ 5, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và ở cùng với ông, bà ngoại và dì ruột trẻ Q và mọi người đều thương yêu trẻ Q.

[2.2] Từ năm 2015 cho đến nay, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Q tại địa chỉ trên (có xác nhận của UBND xã B, huyện C ngày 22-4-2019).

[2.3] Bà D đang làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân Phú Hào Khang, có thu nhập ổn định (có xác nhận của Doanh nghiệp tư nhân Phú Hào Khang, địa chỉ tại: 565/2 khu phố P, thị trấn C, huyện Cần Giờ).

[2.4] Theo kết quả trả lời xác minh ngày 28/8/2019 của Trường Mầm non Bình An, thuộc xã B, huyện C thì ông T và bà D luân phiên đưa đón trẻ Q đi học. Trẻ Q học tốt, phát triển Tâm, Sinh, Lý bình thường và ông T thanh toán tiền học

phí cho trẻ Q từ năm 2017 đến tháng 12/2018; còn bà D thì thanh toán tiền học phí cho trẻ Q từ tháng 1/2019 cho đến nay.

[3] Tại phiên tòa ông T khai: Trong thời gian ông nghỉ phép từ tháng 5 đến tháng 8/2018, ông đã thỏa thuận với bà D: Hàng tuần từ thứ 2 đến thứ 6 ông trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q; còn thứ 7 và Chủ nhật thì bà D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ. Sau khi ông hết phép (tháng 8/2018), ông đi làm lại bình thường, ông giao trẻ Q lại cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng thì bà D ngăn cản không tạo điều kiện cho ông thăm nuôi trẻ Q.

[4] Xét thấy, theo lời khai trên của ông T và qua xác minh của Trường Mầm non Bình An nêu trên thì bà D đã tạo điều kiện cho ông Tuấn thăm nom, đưa đón trẻ Q đến trường. Ông T cho rằng bà D không tạo điều kiện cho ông thăm nom trẻ Q là không đúng.

[5] Từ những phân tích trên và đối chiếu với điểm b, khoản 2, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì bà D vẫn còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Q nên kháng cáo của bà D được chấp nhận và cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tuấn yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận.

[6] Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 293 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Áp dụng: Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D. Bà Dương Thị Mỹ D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 24/4/2013 theo Quyết định ly hôn số 171/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là trẻ Lê Thị Kim Q nêu trên.

4. Án phí sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng của ông T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AG/2011/06180 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà D đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AG/2011/06427 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao